

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BPHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 02/8/2019

V/v " Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BPHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng

Ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh BPhước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng: Không tham gia
phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù
Đăng, tỉnh BPhước; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ
lý số: 256/HNGĐ-ST, ngày 14 tháng 6 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử 12/2019/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn B, sinh năm 1983 (vắng mặt)

ĐKKH tại: Thôn 6, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh BPhước.

Hiện cư trú tại: thôn A, xã BMinh, huyện Bù Đăng, tỉnh BPhước.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2019 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị
Phạm Thị T trình bày:* Chị T và anh Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống, kết hôn
năm 2006, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BNghĩa, huyện BLục,
tỉnh H; thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc Nng không được bao lâu thì
phát sinh mâu thuẫn; trầm trọng nhất là năm 2018; nguyên nhân mâu thuẫn là do
anh B tham gia chơi cờ bạc, đánh đề, rượu chè, mỗi lần đi chơi về lại đánh đập chị
T trầm trọng, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác; không thể tiếp tục
chung sống chị T đã thuê nhà ra ở riêng, sống ly thân. Hiện nay, tình cảm không
còn nên chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho chị T được
ly hôn với anh Nguyễn B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 18/9/2007, Nguyễn Yến C, sinh ngày 20/02/2010 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 14/01/2016. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 14/01/2016; giao hai cháu lớn là Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 18/9/2007, Nguyễn Yến C, sinh ngày 20/02/2010 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; vì hiện nay chị không có nhà ở, không có thu nhập ổn định nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, qua bản tự khai anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh B thừa nhận về thời gian chung sống, kết hôn với chị T; mâu thuẫn gia đình là có; nay anh Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung : anh B thừa nhận có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 18/9/2007, Nguyễn Yến C, sinh ngày 20/02/2010 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 14/01/2016. Sau khi ly hôn anh B có nguyện vọng được nuôi 02 cháu là Nguyễn Ánh N và Nguyễn Yến C không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp: giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản gốc) và ba giấy khai sinh của ba con chung (bản sao); ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2006, tại Ủy ban nhân dân BNghĩa, huyện BLục, tỉnh H; phù hợp với bản gốc giấy chứng nhận kết hôn đã được chị T giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn B là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị T và người làm chứng xác định được trong quá trình chung sống chị T và anh B có phát sinh mâu thuẫn, kéo dài trong Cều năm; trầm trọng nhất là từ năm 2018 đến nay, anh B có hành vi đánh chị T, ngoại tình với người phụ nữ khác; tham gia chơi cờ bạc làm cho kinh tế gia đình sa sút. Đối với anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, qua bản tự khai anh B cũng thừa nhận về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn gia đình; nay anh Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. N vậy, mâu thuẫn giữa chị T

và anh B là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2] Về con chung: Các đương sự thống nhất có 03 con chung, là các cháu Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 18/9/2007, Nguyễn Yến C, sinh ngày 20/02/2010 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 14/01/2016. Nguyên vọng của các đương sự sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L. Anh B có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu C; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy: Nguyên vọng của cháu N và cháu C mong muốn được chung sống với mẹ; tuy Cện xét thấy hiện nay chị T không có nhà ở, phải thuê phòng trọ, làm nghề cạo hạt điều tại doanh nghiệp tư nhân, thu nhập thấp, không ổn định; về tài sản chưa chia, hiện nay anh B đang ở nhà; giao cả ba cháu cho chị T nuôi dưỡng là khó khăn, gánh nặng rất lớn cho chị T; để các cháu tiếp tục ổn định cuộc sống, sinh hoạt nên chấp nhận ý kiến của chị T và anh Bình; giao hai cháu N và C cho anh B nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn B.

[2] Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 18/9/2007, Nguyễn Yến C, sinh ngày 20/02/2010 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Giao cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 14/01/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009484, ngày 13/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BPhước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thùy Linh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh BPhước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy L

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng

Ông Nguyễn Quang Liêu

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số:
256/HNGĐ-ST, ngày 14 tháng 6 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
12/2019/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn B, sinh năm 1983 (vắng mặt)

ĐKKH tại: Thôn 6, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh BPhước.

Hiện cư trú tại: thôn A, xã BMinh, huyện Bù Đăng, tỉnh BPhước.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh
l luận của đương sự, quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa và các quy định của
pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN N SAU:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và
gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và
Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu,
miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày
30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị
Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn B. (kết quả 3/3)

[2] Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 18/9/2007,
Nguyễn Yến C, sinh ngày 20/02/2010 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc,
nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Giao cháu Nguyễn Thị
Thùy L, sinh ngày 14/01/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. (kết quả 3/3)

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết. (kết quả 3/3)

[4] Về nợ chung: Không có. (kết quả 3/3)

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009484, ngày 13/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (kết quả 3/3)

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật (kết quả 3/3).

Việc nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 8 năm 2019. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

